

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG TH CẦU XÁNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 200/BC –THCX

Bình Chánh, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Về việc báo cáo công khai thực hiện dự
toán thu - chi ngân sách Quý 1/2025

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ theo yêu cầu công tác;

Trường Tiểu học Cầu Xáng báo cáo công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý 1 năm 2025, gồm:

1. Quyết định về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách Quý 1 năm 2025; (Đính kèm Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)
2. Thông báo về việc niêm yết công khai công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách Quý 1 năm 2025.

Trường Tiểu học Cầu Xáng kính báo Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Bình Chánh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KT, VT.



Nguyễn Ngọc Sơn

Số: 198/QĐ-THCX

Bình Chánh, ngày 09 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách Quý 1 năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 11547/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Bình Chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025.

Xét đề nghị của Hội đồng sự phạm nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2025 của Trường Tiểu học Cầu Xáng (theo Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

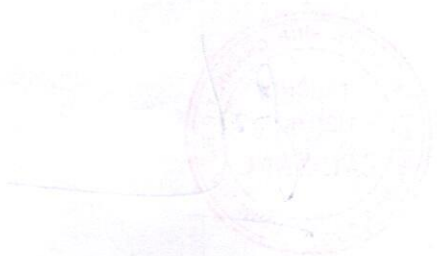
Điều 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên Trường Tiểu học Cầu Xáng và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Ngọc Sơn



Số: 199/TB-THCX

Bình Chánh, ngày 09 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Quý 1 năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 11547/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Bình Chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025.

Trường Tiểu học Cầu Xáng thông báo tổ chức niêm yết công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Quý 1 năm 2025.

- Thời gian niêm yết: niêm yết công khai liên tục từ 09/4/2025 đến 09/5/2025.

- Thành phần hồ sơ niêm yết: Quyết định số: /QĐ-THCX ngày tháng 4 năm 2025 của trường Cầu Xáng về công khai số liệu thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Quý 1 năm 2025.

- Địa điểm niêm yết: tại bảng công khai tài chính trường Tiểu học Cầu Xáng

Trên đây là Thông báo của trường Tiểu học Cầu Xáng./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Ngọc Sơn



Bình chánh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Cầu Xáng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách **quý I năm 2025** như sau:

ĐV tính: Ngân đồng

Số TT	Mục	Tiểu mục	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1			2	3	4	5	6
A			Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	5.988.132	3.265.601	54,53%	
I			Số thu phí, lệ phí	5.852.132	2.186.476	37,36%	-
1			Lệ phí				
2			Phí		-		
3			Sự nghiệp khác	5.852.132	2.186.476	37,36%	
			3.1 Thu thỏa thuận	2.956.611	1.308.718	44,26%	
		1	Tiếng Anh TC	167.481	80.158	47,86%	
		2	Tin học IC3	693.600	352.215	50,78%	
		3	Kỹ năng sống	565.800	244.650	43,24%	
		4	Tiếng Anh có Giáo viên bản ngữ	867.560	375.445	43,28%	
		5	Tổ chức phục vụ bán trú	489.600	185.732	37,94%	
		6	Thiết bị, vật dụng bán trú	64.000	78	0,12%	
		8	Phổ cập bơi lội	84.000	58.200	0,00%	
		9	Tin học tự chọn	24.570	12.240	49,82%	
			3.2 Thu hộ - chi hộ	2.759.521	794.298	28,78%	
		10	Tiền ăn bán trú	1.555.200	538.191	34,61%	
		11	Nước uống	127.305	60.915	0,00%	
		12	Đề kiểm tra, Học phẩm (PLL, CH, HB)	14.145	255	1,80%	
		14	Sổ LL Điện tử		25.290	0,00%	
		15	Bảo hiểm y tế	830.564	21.007	2,53%	
		17	Bảo hiểm y tế chăm sóc ban đầu	23.575	1.781	7,55%	
		18	Dịch vụ khám SKHS	23.575	425	0,00%	
		19	Tiền điện sử dụng máy lạnh	52.650	24.990	0,00%	
		20	Sổ LL Điện tử- K12 online	132.507	37.984	0,00%	
		0	3.3 Thu khác	136.000	83.460	61,37%	
		23	Căn tin	136.000	83.460	61,37%	
II			Chi từ nguồn thu phí được để lại	5.852.132	1.079.125	18,44%	-
1			Chi sự nghiệp học phí công lập	-	-	0,00%	
a			Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	0,00%	
b			Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	0,00%	
2			Chi quản lý hành chính	-	-	0,00%	
a			Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	0,00%	
b			Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	0,00%	
3			Sự nghiệp khác	5.852.132	1.079.125	18,44%	
			3.1 Thu thỏa thuận	2.956.611	595.645	10,18%	

Số TT	Mục	Tiểu mục	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
		1	Tiếng Anh TC	167.481	32.906	1,11%	
		2	Tin học IC3	693.600	123.200	73,56%	
		3	Kỹ năng sống	565.800	90.882	13,10%	
		4	Tiếng Anh có Giáo viên bản ngữ	867.560	228.784	40,44%	
		5	Tổ chức phục vụ bán trú	489.600	119.873	13,82%	
		6	Thiết bị, vật dụng bán trú	64.000	-	0,00%	
		7	Phổ cập bơi lội	84.000	-	0,00%	
		9	Tin học tự chọn	24.570	-	0,00%	
			3.2 Thu hộ - chi hộ	2.759.521	417.178	249,09%	
		10	Tiền ăn bán trú	1.555.200	364.180	52,51%	
		11	Nước uống	127.305	27.625	4,88%	
		12	Đề kiểm tra	14.145	-	0,00%	
		13	Học phẩm (PLL, CH, HB)	-	-	0,00%	
		14	Sổ LL Điện tử		-	0,00%	
		15	Bảo hiểm y tế	830.564	14.742	17,55%	
		16	Bảo hiểm tai nạn	-	-	0,00%	
		17	Bảo hiểm y tế chăm sóc ban đầu	23.575	10.631	0,39%	
		18	Dịch vụ khám SKHS	23.575	-	0,00%	
		19	Tiền điện sử dụng máy lạnh	52.650	-	0,00%	
		20	Sổ LL Điện tử- K12 online	132.507	-	0,00%	
			3.3 Thu khác	136.000	66.302	0,00%	
		23	Căn tin	136.000	66.302	48,75%	
III			Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		-	0,00%	
1			Lệ phí				
B			Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.908.881	2.263.589	14,23%	
I			Nguồn ngân sách trong nước	15.908.881	2.263.589	14,23%	
1			Chi quản lý hành chính	-		0,00%	
1.1			Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-		0,00%	
1.2			Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-		0,00%	
2			Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-		0,00%	
2.1			Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-		0,00%	
			- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-		0,00%	
			- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-		0,00%	
			- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-		0,00%	
2.2			Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-		0,00%	
2.3			Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-		0,00%	
3.1			Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	9.096.000	2.169.089	23,85%	
	6000		Tiền lương	4.009.000	1.024.976	11,27%	
		6001	Lương ngạch bậc	4.009.000	1.024.976	25,57%	
	6050		Tiền công trả cho lao động TX theo hợp đồng	-	-	-	
		6051	Tiền công trả cho lao động TX theo hợp đồng		-	-	
	6100		Phụ cấp lương	2.441.844	515.180	5126,98%	
		6101	Chức vụ	85.644	20.007	0,82%	
		6105	Làm đêm, thêm giờ	148.704	-		
		6107	PC nặng nhọc, độc hại	-	-	0,00%	
		6112	Ưu đãi	1.634.368	351.133	21,48%	
		6113	Trách nhiệm	2.808	702	0,04%	
		6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên NG	570.320	143.338	5104,63%	
	6300		Các khoản đóng góp	1.093.850	280.715	53,43%	
		6301	Bảo hiểm xã hội 17%	808.498	207.507	18,97%	
		6302	Bảo hiểm y tế 3%	142.676	36.604	4,53%	
		6303	Kinh phí công đoàn 2%	95.117	24.403	17,10%	

Số TT	Mục	Tiểu mục	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
		6304	Bảo hiểm thất nghiệp 1%	47.559	12.201	12,83%	
		6349	Các khoản đóng góp khác	23.779	6.100		
	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	82.800	81.000	0,00%	
		6404	Chênh lệch thực tế so với lương	-	-	0,00%	
		6449	Trợ cấp, phụ cấp khác: trợ cấp vùng sâu	82.800	81.000	0,00%	
	6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	240.000	59.469	240,40%	
		6501	Thanh toán tiền điện	144.000	28.263	11,78%	
		6502	Thanh toán tiền nước	84.000	29.122	20,22%	
		6503	Tiền nhiên liệu	1.000		0,00%	
		6504	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	11.000	2.084	208,40%	
	6550		Vật tư văn phòng	84.200	-	0,00%	
		6551	Văn phòng phẩm	48.000	-	0,00%	
		6552	Công cụ dụng cụ	36.200	-	-	
		6599	Vật tư văn phòng khác	-	-	0,00%	
	6600		Thông tin, tuyên truyền liên lạc	24.400	-	0,00%	
		6605	Cước phí internet	2.400	-	0,00%	
		6605	Thuê bao kênh vệ tinh, cước phí Internet, thuê đường truyền hình mạng	-	-	0,00%	
		6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	22.000	-	0,00%	
	6700		Công tác phí	22.800	1.500	6,58%	
		6704	Khoản công tác phí	22.800	1.500	6,58%	
	6750		Chi phí thuê mướn	920.000	156.703	1567,03%	
		6751	Thuê phương tiện	10.000	-	0,00%	
		6757	Thuê lao động trong nước	890.000	156.703	1567,03%	
		6758	Thuê đào tạo cán bộ	5.000	-	0,00%	
		6799	Chi phí thuê mướn khác	15.000		0,00%	
	6900		Sửa chữa TX TSCĐ phục vụ công tác chuyên môn	61.200	12.603	94,13%	
		6905	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				
		6907	Nhà cửa	10.000		0,00%	
		6912	Các thiết bị công nghệ tin học	20.000	9.413	94,13%	
		6913	Tài sản và thiết bị văn phòng(máy photo copy)	11.200	3.190	15,95%	
		6921	Đường điện cấp thoát nước	15.000		0,00%	
		6949	Các tài sản cố định và công trình hạ tầng CS khác(thay mặt bàn, ghế HS)	5.000		0,00%	
	6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-	-	0,00%	
		6999	Tài sản và thiết bị khác	-	-		
	7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	115.906	36.943	445,93%	
		7001	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho chuyên môn	6.000			
		7004	Đồng phục, trang phục	4.000		0,00%	
		7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	10.000	5.100	127,50%	
		7049	Chi phí khác	95.906	31.843	318,43%	
	7050		Mua sắm tài sản vô hình	-	-	0,00%	
		7053	Chi khác	-	-		
	7750		Chi khác	-	-	0,00%	
	7950		Chi lập các quỹ của đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	-	-	0,00%	

Số TT	Mục	Tiểu mục	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
		7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	-	-	0,00%	
		7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	-	-	0,00%	
		7953	Chi lập quỹ khen thưởng	-	-	0,00%	
		7954	Chi lập quỹ phát triển sự nghiệp	-	-	0,00%	
	8000		Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	-	-	0,00%	
		8049	Chi hỗ trợ khác, inh phí trợ cấp thôi việc	-	-		
3.2			Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 14)	6.115.081	-	1%	
	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	5.705.081		1%	
		6449	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân:(nghị quyết 03/2018 NS cấp)	5.705.081	49.364	1%	
3.3			Nguồn kinh phí khen thưởng (nguồn 18)	410.000	-	0,00%	
		6449	Chi tiền thưởng theo NQ số 73/2024	410.000		-	
3.4			Kinh phí không thường xuyên	697.800	94.500	583,33%	
	6100		Phụ cấp lương	270.000	-	0,00%	
		6112	Phụ cấp ưu đãi GV dạy HS khuyết tật	231.000	-	0,00%	
		6105	Làm đêm, thêm giờ	-	-	0,00%	
		6149	Đứng Nặng TĐTT	39.000	-	0,00%	
	6150		Học bổng học sinh, sinh viên	16.200	-	0%	
		6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	16.200	-	0%	
	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	411.600	94.500	583%	
		6449	Trợ cấp vùng sâu	411.600	94.500	23%	
	7750		Chi khác	-	-	0%	
	6750	7766	Miễn giảm học phí	-		0%	

Kế toán



Phan Thị Như Thủy

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Ngọc Sơn

BIÊN BẢN
Về việc niêm yết công khai dự toán thu chi quý 1
năm 2025

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Hôm nay, lúc 10 giờ 00 , ngày 09 tháng 04 năm 2024

Tại: Phòng Giáo viên, Trường tiểu học Cầu Xáng

Đơn vị: Trường tiểu học Cầu Xáng đã tiến hành tổ chức niêm yết công khai các nội dung: Công khai tài chính tình hình thực hiện dự toán thu chi quý 1 năm 2024. **Niêm yết** tại trụ sở làm việc.

I- Thành phần lập biên bản, gồm:

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn , Hiệu trưởng
2. Bà Cao Thị Thúy Diệu , Chủ tịch Công đoàn
3. Bà Nguyễn Thị Hoài Thương , đại diện Ban Thanh tra nhân dân

II- Nội dung:

1. Nội dung niêm yết:

Căn cứ Quyết định số 11547/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Ủy Ban Nhân Dân huyện Bình Chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2025

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của

Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính



2. Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ ngày 09 tháng 4 năm 2025, sẽ kết thúc việc niêm yết vào ngày 09 tháng 5 năm 2025 (30 ngày liên tục).

Các Bản công khai được niêm yết tại Bảng công khai cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị xem.

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục theo đúng thời gian được quy định nêu trên.

Biên bản lập xong lúc 10 giờ 30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

Phan Thị Như Thủy

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Ngọc Sơn

NGƯỜI DỰ NIÊM YẾT

Nguyễn Thị Hoài Thương

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN



Cao Thị Thúy Diệu



